ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU TIẾNG TRUNG QUỐC CHO SINH VIÊN VIỆT NAM: THỰC TRẠNG, HIỆU QUẢ VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI

Nguyễn Thu Hà
Khoa NN và VH Trung Quốc, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
Email: hthucat@gmail.com

Tóm tắt: *Trí tuệ nhân tạo đang ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong giáo dục ngoại ngữ, mở ra cơ hội hỗ trợ người học phát triển kỹ năng đọc hiểu. Bài viết phân tích thực trạng ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo, như phần mềm nhận diện chữ Hán, ứng dụng dịch tự động và mô hình ngôn ngữ lớn, trong phát triển kỹ năng đọc hiểu tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam, qua khảo sát sinh viên và giảng viên tại một số trường đại học. Kết quả cho thấy các công cụ này giúp sinh viên tra cứu nghĩa từ và nhận diện chữ Hán nhanh hơn, song hiệu quả đối với năng lực suy luận ngữ nghĩa và đọc hiểu văn bản dài còn hạn chế, đồng thời tồn tại lo ngại về sự phụ thuộc công nghệ. Trên cơ sở đối chiếu với lý thuyết chấp nhận công nghệ, bài viết đề xuất định hướng tích hợp trí tuệ nhân tạo vào giảng dạy đọc hiểu tiếng Trung Quốc hiệu quả và bền vững.*

Từ khóa*: trí tuệ nhân tạo; kỹ năng đọc hiểu; tiếng Trung Quốc; ngoại ngữ thứ hai; giáo dục đại học*

THE APPLICATION OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN DEVELOPING CHINESE READING COMPREHENSION SKILLS FOR VIETNAMESE STUDENTS: CURRENT STATUS, EFFECTIVENESS, AND IMPLEMENTATION DIRECTIONS

Abstract: *Artificial intelligence is increasingly applied in foreign language education, opening opportunities to support learners in developing reading comprehension skills. This paper examines the application of AI tools, such as Chinese character recognition software, automatic translation applications, and large language models, in developing Chinese reading comprehension among Vietnamese university students, through a survey of students and lecturers at several universities. The findings show that these tools help students look up word meanings and recognize characters faster, yet their effectiveness for semantic inference and long-text comprehension remains limited, alongside concerns about technological over-reliance. Drawing on technology acceptance theory, the paper proposes directions for integrating artificial intelligence into Chinese reading instruction effectively and sustainably.*

Keywords*: artificial intelligence; reading comprehension; Chinese language; second foreign language; higher education*

Nhận bài: 19/08/2026 Phản biện: 19/09/2026 Duyệt đăng: 22/09/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo, đặc biệt là các mô hình ngôn ngữ lớn và ứng dụng nhận diện văn tự, đang tạo ra những thay đổi đáng kể trong giáo dục ngoại ngữ trên toàn thế giới (Zou và cộng sự, 2023). Đối với tiếng Trung Quốc, một ngôn ngữ có hệ thống chữ viết biểu ý phức tạp, kỹ năng đọc hiểu luôn là một trong những kỹ năng khó phát triển nhất đối với người học Việt Nam do rào cản về nhận diện chữ Hán và suy luận ngữ nghĩa (Xie và cộng sự, 2021). Trong khi phần lớn nghiên cứu hiện có về trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy tiếng Trung Quốc tại Việt Nam tập trung vào kỹ năng viết học thuật và mức độ chấp nhận công nghệ nói chung (Nguyen, Nguyen và Nguyen, 2026; Tran, 2025; Le và Tran, 2025), kỹ năng đọc hiểu vẫn còn ít được khảo sát một cách hệ thống và định lượng cụ thể. Xuất phát từ khoảng trống đó, bài viết phân tích thực trạng ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phát triển kỹ năng đọc hiểu tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam, đồng thời bàn luận các phát hiện trong mối liên hệ với lý thuyết đọc hiểu ngoại ngữ và lý thuyết chấp nhận công nghệ, từ đó đề xuất định hướng ứng dụng phù hợp cho các trường đại học.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận, phương pháp và kết quả nghiên cứu

2.1.1. Cơ sở lý thuyết về đọc hiểu tiếng Trung Quốc như ngoại ngữ thứ hai

Theo mô hình đọc hiểu tương tác của Grabe và Stoller (2019), đọc hiểu là quá trình kết hợp giữa giải mã văn tự và xử lý ngữ nghĩa ở cấp độ cao hơn, đòi hỏi người đọc huy động đồng thời kiến thức ngôn ngữ và kiến thức nền. Đối với tiếng

Trung Quốc, quá trình giải mã trở nên phức tạp hơn do đặc điểm chữ Hán biểu ý, khiến người học ngoại ngữ phải xử lý đồng thời hình thể, âm đọc và nghĩa của từng chữ. Xie và cộng sự (2021) chỉ ra rằng bên cạnh vốn từ vựng và thời gian học tập, khả năng kiểm soát nhận thức như chuyển đổi tập trung cũng dự báo đáng kể kết quả đọc hiểu tiếng Trung Quốc ở người học ngoại ngữ. Những đặc điểm này cho thấy đọc hiểu tiếng Trung Quốc là một kỹ năng phức hợp, đòi hỏi hỗ trợ sư phạm phù hợp, trong đó công nghệ hỗ trợ nhận diện và tra cứu chữ Hán có thể đóng vai trò giảm tải nhận thức cho người học.

2.1.2. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phát triển kỹ năng đọc hiểu ngoại ngữ

Trí tuệ nhân tạo được ứng dụng ngày càng phổ biến trong việc hỗ trợ đọc hiểu ngoại ngữ. Yuan (2025) phát triển nền tảng đọc thích ứng dựa trên phản hồi sinh trắc học và ghi nhận nền tảng này giúp cải thiện điểm số đọc hiểu, đồng thời giảm lo âu ở người học ngôn ngữ thứ hai. Zou và cộng sự (2023) tổng hợp các hướng nghiên cứu về trí tuệ nhân tạo trong giáo dục ngôn ngữ và nhấn mạnh tiềm năng cá nhân hóa tài liệu đọc theo trình độ người học. Tại Việt Nam, Nguyen, Nguyen và Nguyen (2026) khảo sát việc tích hợp ChatGPT trong giảng dạy tiếng Trung Quốc tại nhiều trường đại học và ghi nhận phần lớn sinh viên đánh giá cao khả năng phản hồi tức thời của công cụ này. Theo mô hình chấp nhận công nghệ của Davis (1989) và lý thuyết hợp nhất về chấp nhận công nghệ của Venkatesh và cộng sự (2003), mức độ hữu ích cảm nhận và mức độ dễ sử dụng cảm nhận là hai yếu tố then chốt quyết định việc người học có tiếp tục sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo trong học tập hay không.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp kết hợp định lượng và định tính nhằm khai thác đồng thời dữ liệu diện rộng và dữ liệu chuyên sâu. Đối tượng khảo sát gồm 210 sinh viên đang học tiếng Trung Quốc như ngoại ngữ thứ hai có sử dụng ít nhất một công cụ trí tuệ nhân tạo trong quá trình luyện đọc hiểu, cùng 16 giảng viên tại bốn trường đại học ở khu vực Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện, một cách tiếp cận phù hợp với nghiên cứu khảo sát diện rộng khi không có danh sách tổng thể đầy đủ (Etikan, Musa và Alkassim, 2016). Công cụ thu thập dữ liệu là bảng hỏi thang đo Likert năm mức độ, được xây dựng dựa trên mô hình chấp nhận công nghệ của Davis (1989), đo lường ba nhóm biến số gồm mức độ hữu ích cảm nhận, mức độ dễ sử dụng cảm nhận và hiệu quả tự đánh giá đối với kỹ năng đọc hiểu, với hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của từng thang đo đạt từ 0,78 đến 0,86, vượt ngưỡng chấp nhận được theo khuyến nghị của Nunnally và Bernstein (1994). Nghiên cứu kết hợp phỏng vấn bán cấu trúc với mười giảng viên nhằm làm rõ thêm các phát hiện định lượng. Người tham gia được thông báo về mục đích nghiên cứu và tham gia trên tinh thần tự nguyện, bảo đảm tính ẩn danh của dữ liệu. Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng thống kê mô tả, dữ liệu phỏng vấn được phân tích theo phương pháp mã hóa chủ đề để đối chiếu và tăng độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

2.3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

2.3.1. Mức độ và hình thức sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo trong luyện đọc hiểu

Kết quả khảo sát cho thấy công cụ trí tuệ nhân tạo được sinh viên sử dụng phổ biến nhất trong luyện đọc hiểu là ứng dụng nhận diện chữ Hán qua máy ảnh (82%), tiếp theo là công cụ dịch tự động (76%), mô hình ngôn ngữ lớn để tóm tắt hoặc giải thích văn bản (61%) và từ điển điện tử tích hợp trí tuệ nhân tạo (58%), trong khi các nền tảng đọc thích ứng có cá nhân hóa nội dung theo trình độ người học mới chỉ được 34% sinh viên biết đến và sử dụng (Hình 1). Khoảng 79% sinh viên cho biết các công cụ này giúp tiết kiệm đáng kể thời gian tra cứu nghĩa từ và cách đọc chữ Hán so với việc tra từ điển giấy truyền thống. Kết quả này phù hợp với nhận định của Zou và cộng sự (2023) về tiềm năng của trí tuệ nhân tạo trong việc giảm tải nhận thức cho người học ngoại ngữ, đặc biệt ở khâu giải mã văn tự mà Xie và cộng sự (2021) từng chỉ ra là một rào cản lớn đối với người học tiếng Trung Quốc. Tuy nhiên, mức độ sử dụng chủ yếu tập trung ở nhóm công cụ tra cứu nhanh, trong khi việc sử dụng trí tuệ nhân tạo để luyện tập chiến lược đọc hiểu có hệ thống, chẳng hạn dự đoán nội dung hoặc tóm tắt theo cấu trúc văn bản, chỉ được khoảng một phần ba sinh viên áp dụng thường xuyên.

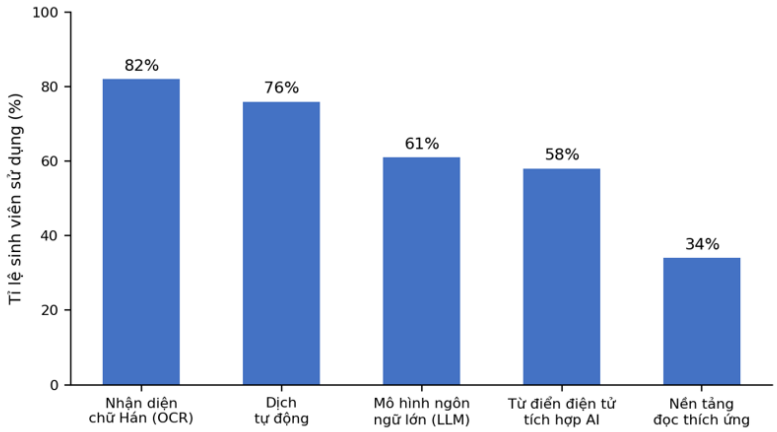

Hình 1. Tỉ lệ sinh viên sử dụng các loại công cụ trí tuệ nhân tạo trong luyện đọc hiểu tiếng Trung Quốc

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu, n = 210)

2.3.2. Hiệu quả cảm nhận đối với năng lực đọc hiểu chữ Hán và văn bản

Về hiệu quả cảm nhận, khảo sát bằng thang đo Likert năm mức độ cho thấy sinh viên đánh giá trí tuệ nhân tạo hỗ trợ tốt việc nhận diện chữ Hán và mở rộng vốn từ vựng thụ động với điểm trung bình 4,1 trên 5, tương đồng với kết quả của Yuan (2025) về vai trò của nền tảng đọc thích ứng trong cải thiện điểm số đọc hiểu ở người học ngôn ngữ thứ hai (Hình 2). Tuy nhiên, điểm đánh giá hiệu quả đối với khả năng đọc hiểu văn bản dài và trả lời câu hỏi suy luận chỉ đạt trung bình 3,2 trên 5, thấp hơn rõ rệt so với nhóm kỹ năng nhận diện và tra cứu. Nhiều sinh viên được phỏng vấn giải thích rằng công cụ trí tuệ nhân tạo chỉ hỗ trợ ở mức độ giải nghĩa từng câu, chưa thể thay thế năng lực tự suy luận mạch lạc văn bản theo mô hình đọc hiểu tương tác của Grabe và Stoller (2019). Giảng viên được phỏng vấn cũng bày tỏ lo ngại rằng việc sinh viên phụ thuộc quá mức vào bản dịch tự động có thể làm suy giảm động lực rèn luyện kỹ năng giải mã chữ Hán một cách chủ động, cho thấy trí tuệ nhân tạo nên được sử dụng như công cụ hỗ trợ bổ sung hơn là phương tiện thay thế hoàn toàn quá trình luyện đọc truyền thống.

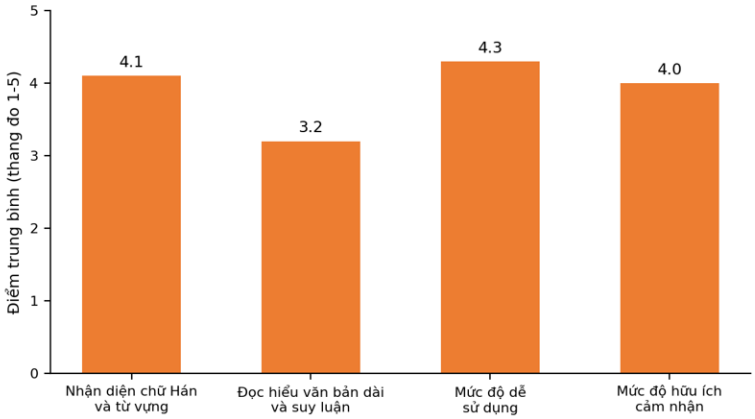

Hình 2. Điểm trung bình đánh giá hiệu quả và mức độ chấp nhận công nghệ trí tuệ nhân tạo (thang đo Likert 1-5)

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu, n = 210)

2.3.3. Thái độ, rào cản và mức độ chấp nhận công nghệ trí tuệ nhân tạo

Về thái độ và mức độ chấp nhận công nghệ, sinh viên đánh giá mức độ dễ sử dụng của công cụ trí tuệ nhân tạo ở mức cao, với điểm trung bình 4,3 trên 5, và mức độ hữu ích cảm nhận đạt 4,0 trên 5 (Hình 2), phù hợp với hai yếu tố cốt lõi trong mô hình chấp nhận công nghệ của Davis (1989). Kết quả này cũng tương đồng với phát hiện của Nguyen, Nguyen và Nguyen (2026) về mức độ chấp nhận ChatGPT khá cao trong giảng dạy tiếng Trung Quốc tại các trường đại học Việt Nam, cũng như của Tran (2025) và Le và Tran (2025) về vai trò trung gian của thái độ trong việc hình thành hiệu quả tự nhận thức khi sử dụng trí tuệ nhân tạo. Tuy nhiên, khảo sát cũng ghi nhận

một số rào cản cụ thể: 47% sinh viên lo ngại về độ chính xác của bản dịch tự động, 38% gặp hạn chế truy cập do đường truyền internet không ổn định, và 52% cho biết giảng viên chưa cung cấp hướng dẫn sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo một cách có hệ thống trong giờ học. Điều này cho thấy việc tích hợp trí tuệ nhân tạo cần đi kèm hướng dẫn sư phạm cụ thể để phát huy tối đa hiệu quả đối với kỹ năng đọc hiểu.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy trí tuệ nhân tạo đang được sinh viên Việt Nam sử dụng khá phổ biến trong quá trình luyện đọc hiểu tiếng Trung Quốc, đặc biệt ở khâu nhận diện chữ Hán và tra cứu nghĩa từ, song hiệu quả đối với năng lực suy luận ngữ nghĩa và đọc hiểu văn bản dài vẫn còn hạn chế. Khi đối chiếu với mô hình đọc hiểu tương tác và lý thuyết chấp nhận công nghệ, có thể thấy trí tuệ nhân tạo phát huy tốt vai trò hỗ trợ giải mã văn tự nhưng chưa thể thay thế quá trình rèn luyện chiến lược đọc hiểu chủ động của người học. Để phát huy hiệu quả của trí tuệ nhân tạo, các trường đại học cần xây dựng hướng dẫn sử dụng cụ thể, kết hợp công cụ trí tuệ nhân tạo với hoạt động rèn luyện chiến lược đọc hiểu truyền thống và tập huấn giảng viên về cách khai thác công nghệ một cách có kiểm soát. Nghiên cứu còn giới hạn về quy mô mẫu và phạm vi khảo sát, do đó các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng đối tượng và sử dụng thiết kế thực nghiệm nhằm kiểm chứng hiệu quả dài hạn của trí tuệ nhân tạo đối với kỹ năng đọc hiểu tiếng Trung Quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bandura, A. (1997). Self-efficacy: The exercise of control. New York: W. H. Freeman.

Davis, F. D. (1989). Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology. MIS Quarterly, 13(3), 319-340.

Etikan, I., Musa, S. A., & Alkassim, R. S. (2016). Comparison of convenience sampling and purposive sampling. American Journal of Theoretical and Applied Statistics, 5(1), 1-4.

Grabe, W., & Stoller, F. L. (2019). Teaching and Researching Reading (3rd ed.). New York: Routledge.

Le, T. T. M., & Tran, V. K. (2025). The impacts of students' acceptance of ChatGPT on their academic self-efficacy in a personalized learning environment. rEFLections, 32(3), 1611-1630.

Lưu, H. V. (2022). Niềm tin vào tính hiệu quả của bản thân trong học tập ngoại ngữ thứ hai - tiếng Trung Quốc: Trường hợp sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 19(5), 760.

Nguyen, P. T., Nguyen, H. T., & Nguyen, T. Q. (2026). ChatGPT integration in Chinese language pedagogy: A Vietnamese multi-institutional study. International Journal of Evaluation and Research in Education, 15(2), 1469-1477.

Nunnally, J. C., & Bernstein, I. H. (1994). Psychometric Theory (3rd ed.). New York: McGraw-Hill.

Pham, T. H. T., & Zhang, Y. C. (2019). Investigation and analysis on the development of Chinese teachers in Vietnam university. Journal of Education and e-Learning Research, 6(2), 69-75.

Tran, T. N. M. (2025). Factors affecting the use of ChatGPT in academic writing perceived by English-majored students. VNU Journal of Foreign Studies, 41(3), 110-125.

Venkatesh, V., Morris, M. G., Davis, G. B., & Davis, F. D. (2003). User acceptance of information technology: Toward a unified view. MIS Quarterly, 27(3), 425-478.

Xie, Z., Wang, W., Chu, X., Qiu, Q., Yuan, F., Huang, J., & Chen, M. (2021). Contributions of demographics, language learning experience, and cognitive control to Chinese reading comprehension. Frontiers in Psychology, 12, 770579.

Yuan, H. (2025). Artificial intelligence in language learning: Biometric feedback and adaptive reading for improved comprehension and reduced anxiety. Humanities and Social Sciences Communications, 12, 556.

Zou, B., Reinders, H., Thomas, M., & Barr, D. (2023). Editorial: Using artificial intelligence technology for language learning. Frontiers in Psychology, 14, 1287667.